

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 1

NGÀNH: Công nghệ Sinh học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Kiểm nghiệm thuốc sinh học	CSA0323133	7	7	3	37	37	16		16 / (4 tuần)
2	Quá trình và thiết bị trong công nghệ sinh học	CSA0323073	7	7	3	39	39		12	12 / (3 tuần)
3	Thực tập thực tế	CSA0300033	7	7	3			90		90 / (4 tuần)
4	Các môn tự chọn		7	7	6					
	Sản xuất thực phẩm chức năng	CSA0323091	7	7	1	15	15			
	Dược lâm sàng	CSA0505014	7	7	4	36	36	36	12	48 / (12 tuần)
	Dược lý ứng dụng trong điều trị	CSA0507043	7	7	3	35	35	12	8	20 / (5 tuần)
	Độc chất	CSA0611012	7	7	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
	Kiểm nghiệm	CSA0611042	7	7	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
	Điện di và phân tích nhiệt	CSA0611082	7	7	2	26	26	8		8 / (2 tuần)
	Miễn dịch phân tử	CSA0521092	7	7	2	30	30			
Cộng:					15	76	76	106	12	
5	Công nghệ enzym	CSA0315063	8	8	3	37	37	16		16 / (4 tuần)
6	KLTN/ Học phần tự chọn Tốt nghiệp	CSA0099148	8	8	8					
	Công nghệ sản xuất vaccin	CSA0323032	8	8	2	30	30			
	Công nghệ vi sinh trong SXDP	CSA0323013	8	8	3	39	39		12	12 / (3 tuần)
	Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc và dịch SH	CSA0611103	8	8	3	37	37	16		16 / (4 tuần)
	Công nghệ sinh học nano	CSA0315112	8	8	2	30	30			
	Công nghệ tế bào gốc	CSA0315122	8	8	2	30	30			
	Khởi nghiệp	CSA0703331	8	8	1	15	15			
Cộng:					11	37	37	16	0	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thanh Hải

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CSA0812092	5	5	2	22	22		8	8 / (2 tuần)
2	Sinh học phân tử	CSA0315093	5	5	3	45	45			
3	Bệnh học	CSA0521013	5	5	3	31	31	12	16	28 / (7 tuần)
4	Xét nghiệm hóa sinh lâm sàng	CSA0315102	5	5	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
5	Tin sinh học Đại cương	CSA0320113	5	5	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
6	Các môn tự chọn		5	5	4					
	Dược liệu 1	CSA0406013	5	5	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
	Dược động học	CSA0507022	5	5	2	18	18	24		24 / (6 tuần)
	Hóa sinh lâm sàng	CSA0315022	5	5	2	30	30			
	Quản lý học đại cương	CSA0703222	5	5	2	22	22		16	16 / (4 tuần)
	Vĩ sinh thực phẩm	CSA0320132	5	5	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
Cộng:					17	153	153	52	24	
7	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	CSA0812072	6	6	2	21	21		9	9 / (3 tuần)
8	Tiếng Anh chuyên ngành	CSA0813132	6	6	2	30	30			
9	Công nghệ gen	CSA0323113	6	6	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
10	Công nghệ lên men	CSA0323063	6	6	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
11	Công nghệ protein tái tổ hợp	CSA0315083	6	6	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
12	Các môn tự chọn		6	6	4					
	Dược liệu 2	CSA0406022	6	6	2	22	22	12	4	16 / (4 tuần)
	Dược lý đại cương	CSA0507032	6	6	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
	Gen dược học đại cương	CSA0315132	6	6	2	30	30			
	Đại cương nuôi cấy mô thực vật	CSA0417072	6	6	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
Cộng:					17	156	156	60	9	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 2 KHÓA: 3

NGÀNH: Công nghệ Sinh học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Kinh tế chính trị Mác Lênin	CSA0812062	3	3	2	22	22		8	8 / (2 tuần)
2	Giáo dục thể chất 3 *	CSA0816031	3	3	1			15		15 / (8 tuần)
3	Hóa hữu cơ 2	CSA0210022	3	3	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
4	Hóa phân tích	CSA0611283	3	3	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
5	Vi sinh - Ký sinh trùng 1	CSA0320042	3	3	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
6	Giải phẫu sinh lý	CSA0521034	3	3	4	46	46	28		28 / (7 tuần)
7	Các môn tự chọn		3	3	2					
	An toàn sinh học	CSA0320122	3	3	2	30	30			
	Nghiên cứu khoa học - Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	CSA0703312	3	3	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
Cộng:						151	151	87	8	
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CSA0812052	4	4	2	22	22		8	8 / (2 tuần)
9	Giáo dục quốc phòng an ninh*	CSA0099428	4	4	8	77	77	72	16	88 / (2 tuần)
10	Hoá sinh	CSA0315013	4	4	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
11	Hóa lý	CSA0118053	4	4	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
12	Vi sinh - Ký sinh trùng 2	CSA0320052	4	4	2	26	26	8		8 / (2 tuần)
13	Sinh lý bệnh miễn dịch	CSA0521112	4	4	2	26	26	8		8 / (2 tuần)
14	Các môn tự chọn		4	4	3					
	Môi trường	CSA0611062	4	4	2	30	30			
	Thực vật	CSA0417013	4	4	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
	Đa dạng sinh học cây thuốc	CSA0417022	4	4	2	18	18	16	8	24 / (6 tuần)
Cộng:						15	219	219	132	24

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 1 KHÓA: 4

NGÀNH: Công nghệ Sinh học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2025-2026

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tiếng Anh 1	CSA0813092	1	1	2	30	30			
2	Tin học ứng dụng	CSA0819092	1	1	2	14	14	32		32 / (8 tuần)
3	Giáo dục thể chất 1 *	CSA0816011	1	1	1			15		15 / (8 tuần)
4	Xác suất thống kê	CSA0819112	1	1	2	30	30			
5	Hóa đại cương - vô cơ	CSA0809052	1	1	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
6	Pháp luật đại cương	CSA0703282	1	1	2	24	24		12	12 / (3 tuần)
7	Vật lý ứng dụng	CSA0824072	1	1	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
8	Sinh học đại cương	CSA0320093	1	1	3	33	33	20	4	24 / (6 tuần)
9	Triết học Mác Lênin	Cộng: CSA0812083	2	2	15	179	179	91	16	
10	Tiếng Anh 2	CSA0813102	2	2	3	33	33		12	12 / (3 tuần)
11	Giáo dục thể chất 2 *	CSA0816021	2	2	2	30	30			
12	Hóa hữu cơ 1	CSA0210013	2	2	1			15		15 / (8 tuần)
13	Sinh học tế bào	CSA0323153	2	2	3	35	35	20		20 / (5 tuần)
14	Di truyền học	CSA0323143	2	2	3	37	37	16		16 / (4 tuần)
15	Nhập môn Công nghệ sinh học	CSA0323083	2	2	3	39	39	12		12 / (3 tuần)
						37	37		16	16 / (4 tuần)
Cộng:					17	211	211	63	28	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 27 tháng 6 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Thanh Hải